TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:86 /2023/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 7 năm 2023
"V/việc tranh chấp về hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Tường - Bà Nguyễn Thị Hà
Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Không tham gia.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:227/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023 , về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:146/2023/QĐST- HNGĐ ngày 26/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số:25/2023/QĐ-HPT ngày 14/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phan Tất T, sinh ngày 06/7/1992.
Trú tại: xóm 7, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An (Có mặt)
- Bị đơn: Chị Bùi Thị H, sinh ngày 06/11/1988.
Trú tại: xóm 7, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày tại bản khai và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thì vụ án có nội dung.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Tất T và Chị Bùi Thị H cưới nhau vào tháng 12/2016, trước khi cưới Chị H, anhTiên có quá trình tìm hiểu,tự nguyện tiến tới hôn nhân. Anh T, Chị H làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 68/2016, ngày 23/12/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sống đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, trong cuộc sống chung có nhiều xung đột cự cải. Mâu thuẫn xẩy ra ngày càng sâu sắc, vợ chồng mất tình cảm, tình yêu đối với nhau. Mâu thuẫn xẩy ra vợ chồng đã tự hòa giải, gia đình hai bên đã góp ý động viên, nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện, nên vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2019

cho đến nay. Anh T xác định đã mất hết tình cảm đối với Chị H, hôn nhân đã thực sự tan rã, đổ vỡ không thể hàn gắn, Anh T đề nghị giải quyết ly hôn Chị H để ổn định cuộc sống.

- Về quan hệ con chung:Vợ chồng có 01 con chung cháu Phan Trâm A (Giới tính: Nữ), sinh ngày 23/10/2017.Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung do Chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, Anh T rất có trách nhiệm đối với con chung. Nếu ly hôn Anh T đề nghị giao con chung cho Chị H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng vì anh chưa có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị H mỗi tháng 1.200.000 đồng.

- Về quan hệ tài sản chung: Anh Phan Tất T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Chị Bùi Thị H,Tòa án niêm yết, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu chị có mặt tại tòa án để giải quyết vụ án, nhưng chị không hợp tác, cố tình vắng mặt, tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai của bị đơn. Song qua các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và xác minh tình trạng hôn nhân, con chung chưa thành niên tại địa phương thì về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung giữa Anh T, Chị H cơ bản đúng như nguyên đơn đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn,bị đơn có nơi cư trú tại xóm 7, xã Tăng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, qui định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã niêm yết, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu nguyên đơn, bị đơn có mặt tại tòa án để giải quyết, nhưng bị đơn Chị Bùi Thị H không chấp hành, không hợp tác. Do đó Tòa án đã lập biên bản theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ nhất đã được niêm yết, tống đạt lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã Quyết định hoãn phiên tòa, ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án.Tòa án tiếp tục tống đạt, hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ hai cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn có mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

[2]Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa Anh Phan Tất T và Chị Bùi Thị H được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Anh T, Chị H tự nguyện tiến tới hôn nhân, đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Tăng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 68/2016, ngày 23/12/2016 nên xác định hôn nhân giữa Anh T và Chị

H là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn cơ bản dẫn đến hôn nhân giữa Anh T, Chị H tan rã, đổ vỡ là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, quá trình sống chung vợ chồng không tìm được tiếng nói, lối đi chung hôn nhân, các bên đã có những lời nói, xử sự không đúng mực với nhau trong quá trình sống chung. Các bên xác định hôn nhân đã đổ vỡ nên anh chị đã chủ động sống ly thân cắt đứt các mối quan hệ đối với nhau kể từ đầu năm 2019. Kể từ ngày sống ly thân cho đến nay các bên không có ý thức hòa giải níu kéo hôn nhân.Từ đó cho thấy hôn nhân giữa Anh T, Chị H đã thực sự tan rã, đổ vỡ, sợi dây gắn kết tình cảm, mục đích hôn nhân giữa các bên không còn. Nay Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn Chị H là có căn cứ, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho Anh T được ly hôn Chị H.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có một chung, từ ngày vợ chồng sống ly thân con được Chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, Anh T rất có trách nhiệm đối với con chung đi lại thăm nom chăm sóc con chung thường xuyên. Do điều kiện khó khăn chưa có điều kiện để trực tiếp nuôi con chung, hơn nữa con chung đang được Chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh đề nghị giao con chung cho Chị H nuôi dưỡng, anh sẽ tự nguyện cấp dưỡng con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng là đúng phù hợp với pháp luật. Do đó cần áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận về việc đề nghị giao nuôi con của Anh Phan Tất T.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.200.000 đồng là đúng pháp luật, thể hiện người bố có trách nhiệm, vì vậy chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của Anh Phan Tất T.

- Về quan hệ tài sản: Anh Phan Tất T không yêu cầu tòa giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc Anh Phan Tất T phải nộp án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ tình cảm**:** Anh Phan Tất T được ly hôn Chị Bùi Thị H.

2.Về quan hệ con chung: Giao con chung cháu Phan Trâm A(Giới tính: Nữ), sinh ngày 23/10/2017 cho Chị Bùi Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Anh Phan Tất T người không trực tiếp nuôi con chung được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở, ngăn cấm.

Vì lợi ích của con các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận sự tự nguyện việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn của Anh Phan Tất T đối với con chung như sau:

Anh Phan Tất T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị Bùi Thị H mỗi tháng 1.200.000đ(Bằng chữ: Một triệu, hai trăm nghì đồng), kể từ tháng 8/2023 cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Chị Bùi Thị H làm đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền nói trên, nếu Anh Phan Tất T không thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Anh Phan Tất T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm. Số tiền án phí ly hôn sơ thẩm của Anh T được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai nộp tiền số: 0000831 ngày 22/5/2023. Anh Phan Tất T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Phan Tất T còn phải nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

4.Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã T, huyện Y, Nghệ An và nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc

Nơi nhận:
- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA
- UBND xã T(Nơi ĐKKH)